

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; khoản 2 Điều 149; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 54, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 195/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, “V/v: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Trịnh Thị Thu H, sinh năm 198x; ĐKKHKT tại: Tổ xx, khu x, phường C, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Tổ xx, khu x, phường C, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Trần Thanh T, sinh năm 198x; Trú tại: Tổ xx, khu x, phường C, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị Thu H và anh Trần Thanh T đều có lời khai: chị H và anh T chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2007 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến không còn sự yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Anh chị đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay cả hai đều xác định tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp, cần ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị Trịnh Thị Thu H và anh Trần Thanh T có 01 con chung: Trần Phương A, sinh ngày 28/6/2008. Chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét sự thỏa thuận của các đương sự như trên là phù hợp, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và khoản nợ chung: các đương sự đều trình bày không có tài sản và khoản nợ chung.

[4] Về lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu H tự nguyện chịu T bộ lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Trịnh Thị Thu H và anh Trần Thanh T được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị Thu H và anh Trần Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trịnh Thị Thu H và anh Trần Thanh T có 01 con chung: Trần Phương A, sinh ngày 28/6/2008. Chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con sống chung với người trực tiếp nuôi. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị Thu H tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002993 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà

Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long;*
- *UBND phường C, thành phố Hạ Long.*
- *Lưu hồ sơ vụ án; VP.*

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng